

Bản án số: **07/2022/HS - ST**

Ngày: 04/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS, ngày 15 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 07/2022/QĐXX-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1974; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Đặng Thị K (đã chết); Chồng là Trần Văn T2, sinh năm 1972, Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 01/9/2021, bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 65/QĐ-XPHC về hành vi “Đánh bạc”, phạt tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo nộp phạt ngày 08/9/2021.

Bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03 ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện B (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Phạm Thị C, sinh ngày 20/5/1984; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1963 và bà Võ Thị X, sinh năm 1963; Chồng là Lê Hoàng L, sinh

năm 1986; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 01/9/2021, bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 62/QĐ-XPHC về hành vi “Đánh bạc”, phạt tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo nộp phạt ngày 08/9/2021.

Bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04 ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện B (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Phạm Thị Ngọc L2**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã Q, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2/ Bà **Nguyễn Thị E**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà L2, bà E vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 10 giờ 15 phút ngày 16/01/2022, tại nhà của Phạm Thị Ngọc L2 tọa lạc tại ấp Đ, xã Q, huyện B, Công an xã Q phát hiện bắt quả tang các đối tượng Phạm Thị Ngọc L2, Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị T và Phạm Thị C đang cùng nhau chơi đánh bạc dưới hình thức đánh bài tứ sắc được thắng thua bằng tiền. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản phạm pháp quả tang và thu giữ trực tiếp tại chiếu bạc số tiền dùng để đánh bạc là 552.000 đồng, bao gồm thu giữ tại vị trí của bà L2 số tiền 122.000 đồng; thu giữ tại vị trí của bà E số tiền 40.000 đồng, thu giữ tại vị trí của Thu số tiền 140.000 đồng và thu giữ tại vị trí của Cúc số tiền 250.000 đồng; đồng thời, còn thu giữ 17 bộ bài tứ sắc, trong đó có 02 bộ đã qua sử dụng và 15 bộ chưa sử dụng. Hình thức chơi đánh bài tứ sắc (loại bài có 112 lá với 04 màu), số tiền chơi theo mỗi ván thắng thua là 5.000 đồng. Mỗi ván người nào thắng thì được số tiền 15.000 đồng.

Số tiền dùng để đánh bạc của T và C là 552.000 đồng, nhưng do vào ngày 01/9/2021, T và C đã bị Công an xã P, huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, với số tiền phạt của mỗi người là 1.500.000 đồng, nên lần

vi phạm này đã cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKSBD ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thị C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thị C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và đề nghị xử lý như sau:

- Về hình phạt:

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Phạm Thị C số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về vật chứng, xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Số tiền Việt Nam 552.000 đồng.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 17 bộ bài tứ sắc (02 bộ đã qua sử dụng, 15 bộ chưa sử dụng).

- Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên Tòa, bị cáo T và C khai: Hai bị cáo xác định Quyết định truy tố mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố hai bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng. Tại phiên Tòa, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của hai bị cáo: Các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Thẩm phán xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 456 Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc áp dụng thủ tục rút gọn trong điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với vụ án là đúng pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Ngọc L2 và bà Nguyễn Thị E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Thẩm phán xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên tiếp tục tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt quả tang, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Lúc 10 giờ 15 phút ngày 16/01/2022, tại nhà của Phạm Thị Ngọc L2 tọa lạc tại ấp Đ, xã Q, huyện B, Nguyễn Thị T, Phạm Thị C, Phạm Thị Ngọc L2 và Nguyễn Thị E cùng nhau chơi đánh bạc dưới hình thức đánh bài tứ sắc được thắng thua bằng tiền với số tiền mỗi ván thắng thua là 5.000 đồng. Số tiền dùng để đánh bạc của bị cáo Thu, bị cáo C là 552.000 đồng, nhưng do vào ngày 01/9/2021, các bị cáo đã bị Công an xã P, huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, với số tiền phạt của mỗi người là 1.500.000 đồng nên lần vi phạm này đã cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thị C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi đánh bạc của hai bị cáo T và C là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến các hoạt động bình thường của cộng đồng dân cư nơi các bị cáo sinh sống, đồng thời còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương, việc đánh bạc là tệ nạn xã hội, cũng là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác phát sinh. Trước trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận biết và thấy được việc

đánh bạc được thua bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào đều bị pháp luật nghiêm cấm. Cả hai bị cáo Trước đó đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, lẽ ra phải biết ăn năn hối cải, cải sửa những lỗi lầm trước đó của mình, nhưng xuất phát từ việc ham mê cờ bạc, ý thức bất chấp coi thường pháp luật muốn sát phạt nhau được thua bằng tiền để thu lợi bất chính mà không phải qua lao động sản xuất. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là lỗi cố ý trực tiếp, với động cơ nhằm mục đích được thua bằng tiền để thu lợi bất chính. Hành vi đánh bạc của hai bị cáo là đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, không có kế hoạch, bàn bạc cụ thể, không có tổ chức, không ai rủ rê ai, việc tập trung đánh bạc là ngẫu nhiên, manh mún, nhỏ lẻ, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn, hai bị cáo đều là người thực hành nên hình phạt được xem xét tương ứng với tích chất mức độ của từng bị cáo.

[5] Về nhân thân của các bị cáo: Cả hai bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 01/9/2021 bị Công an xã P xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo không có tiền án.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên Tòa, các bị cáo Thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải giúp cho việc điều tra, truy tố thuận lợi. Đó là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét cho các bị cáo Trong khi quyết định hình phạt.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, trên cơ sở xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội. Xét thấy, không cần thiết buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền cho các bị cáo cũng đủ điều kiện răn đe, cảnh tỉnh giáo dục các bị cáo có ý thức trong việc tôn trọng pháp luật, sửa chữa những sai lầm để trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội, đồng thời góp phần trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam 552.000 đồng là tang vật của vụ án.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 17 bộ bài tứ sắc (02 bộ đã qua sử dụng, 15 bộ chưa sử dụng) vì đây là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo, không có giá trị.

[10] Đối với lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ, về hình phạt đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng là có cơ sở phù hợp với pháp luật và nhận định của Thẩm phán nên được xem xét chấp nhận.

[11] Riêng đối với bà Phạm Thị Ngọc L2 và bà Nguyễn Thị E tham gia đánh bạc với số tiền dùng để đánh bạc 552.000 đồng là không đủ định lượng (dưới 5.000.000 đồng), bà L2 và bà E đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc và cũng chưa bị kết án về các tội này, nên hành vi của họ không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Ngày 23/01/2022, Công an xã Q ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC và số 14/QĐ-XPHC đối với L2 và E bằng hình thức phạt tiền mỗi người 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (đánh bài tứ sắc) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình là đúng với quy định của pháp luật.

[12] Do các bị cáo bị phạt tiền nên cần phải hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” mà Tòa án đang áp dụng đối với hai bị cáo Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thị C phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị C số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 03 và 04 ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện B đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thị C.

3. Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam 552.000 đồng (Năm trăm năm mươi hai nghìn đồng);

Tịch thu và tiêu hủy 17 bộ bài tứ sắc (02 bộ đã qua sử dụng, 15 bộ chưa sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Thị C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ L2 quan vãng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan;
- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương